

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN KHU TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP PHÙ MỸ VÀ CÁC DỰ ÁN LÂN CẬN (ĐIỂM TÁI ĐỊNH CƯ MỸ AN)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2025 của
Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu tái định cư phục vụ dự án Khu công nghiệp Phù Mỹ và các dự án lân cận (Điểm tái định cư Mỹ An) (sau đây gọi là Dự án).
- Địa điểm thực hiện: xã Phù Mỹ Đông, tỉnh Gia Lai.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Gia Lai.
- Địa chỉ liên hệ: Số 281 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai.

1.2. Phạm vi, quy mô.

- Tổng diện tích: 333.697,3 m².

Điểm mốc	Tọa độ VN2000, múi 3 ⁰		Điểm mốc	Tọa độ VN2000, múi 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
1	1580249.54	598986.22	11	1579798.38	599466.28
2	1580326.32	599125.07	12	1579611.63	599500.42
3	1580381.45	599317.37	13	1579610.02	599467.51
4	1580410.30	599309.13	14	1579589.57	599470.85
5	1580428.94	599374.43	15	1579587.32	599458.98
6	1580218.98	599432.91	16	1579596.17	599457.29
7	1579804.11	599515.11	17	1579560.96	599272.28
8	1580150.75	599449.36	18	1579550.64	599274.24
9	1580066.83	599466.94	19	1579521.38	599120.41
10	1579801.26	599499.30			

- Quy mô: Gồm 556 lô đất ở, quy mô dân số dự kiến khoảng 4.558 người
- Cơ cấu sử dụng đất:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới (566 thửa)	135.385,0	40,57
-	Đất ở mới (có DT 300m ² là 331 thửa)	99.868,0	
-	Đất ở liên kế (có DT 150m ² là 235 thửa)	35.518,0	
2	Đất chung cư nhà ở xã hội (700 căn)	18.018,0	5,40
3	Đất công trình hạ tầng xã hội	16.524,5	4,95
-	Chợ	2.450,0	
-	Sinh hoạt khu dân cư	750,0	
-	Công trình y tế	762,5	
-	Trạm PCCC	512,5	
-	Trường tiểu học + THCS	8.524,0	
-	Trường mầm non	3.525,5	
4	Đất cây xanh, TDTT	21.290,0	6,38
5	Đất hành lang tuyến đường ven biển	9.356,8	2,80
6	Đất giao thông và HTKT	133.123,0	30,89
-	Bãi đỗ xe	4.850,5	
-	Đất khu xử lý nước thải SH	300,0	
-	Đường giao thông, kè taluy	127.972,5	
	Tổng cộng	333.697,3	100,00

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: San nền (33,3ha), bố trí 566 thửa đất ở có diện tích sử dụng đất 135.385,0 m² và diện tích đất chung cư nhà ở xã hội là 18.018,0 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: Hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp điện và chiếu sáng, hệ thống cấp nước và PCCC, hệ thống cây xanh cảnh quan.

1.3.3. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa; hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải. Hệ thống thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Bố trí các điểm chờ đầu nối nước thải sinh hoạt cho khu chung cư nhà ở xã hội và các công trình công cộng.

- Tổng diện tích cây xanh khoảng 21.290 m².

1.3.4. Các hoạt động của dự án

- Hoạt động thu dọn, phát quang mặt bằng và phá dỡ các công trình hiện trạng.
- Hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu phục vụ thi công dự án.
- Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân tham gia thi công xây dựng.
- Hoạt động đào đắp, thi công xây dựng các hạng mục công trình.
- Hoạt động của người dân khi đưa vào vận hành dự án.

1.3.5. Các hạng mục, hoạt động không thuộc phạm vi Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Hoạt động khai thác vật liệu san nền, vật liệu thi công phục vụ dự án.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ với diện tích khoảng 32,10 ha.

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng rừng theo quy định đối với phần diện tích chồng lấn với mỏ dầu giá của Công ty TNHH Sài Gòn TPP Land (có diện tích rừng phòng hộ là 3,0ha) và thực hiện đúng theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 5833/UBND-KT ngày 27/6/2025.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của hạng mục có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Trong giai đoạn thi công: Hoạt động phát quang, phá dỡ công trình hiện trạng, chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; nguy cơ gây hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

- Trong giai đoạn vận hành: Hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong khu vực dự án phát sinh chất thải sinh hoạt; hoạt động của các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường liên xã kết nối dự án phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải;...

- Hoạt động duy tu, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án như hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát và xử lý nước thải; giao thông.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích đất rừng phòng hộ với diện tích khoảng 32,10 ha.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai

đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 4,5 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng, đất, cát,...

- Nước mưa chảy tràn trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu chứa đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

Nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh với lưu lượng khoảng 398,85 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi từ quá trình đào đắp; san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ các máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động giao thông của người dân; quá trình dọn vệ sinh khu vực công cộng; khí thải từ quá trình nấu nướng của người dân,... Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động phá dỡ công trình hiện trạng khoảng 4,6 m³. Thành phần chủ yếu là xà bần.

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh (sinh khối thực vật) với khối lượng khoảng 4,07 m³. Thành phần chủ yếu là thân cây, lá, gốc cây,...

- Chất thải rắn từ quá trình thi công, xây dựng phát sinh với khối lượng khoảng

99,9 – 166,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, ni lông, cospha hồng, nhựa, sắt thép,...

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 68,49 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

- Khối lượng cát thừa từ quá trình san nền dự án khoảng: 253.000 m³ (đã trừ khối lượng nằm trong diện tích mở đầu giá của Công ty TNHH Sài Gòn TPP Land.

b) Giai đoạn hoạt động:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 3.122 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây...

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 58 kg trong suốt thời gian thi công xây dựng. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ, các loại dầu mỡ thải,...

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát với khối lượng khoảng 0,05 - 5,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, ắc quy thải, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng phát sinh tiếng ồn, độ rung ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

b) Giai đoạn hoạt động

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ, tác động đến sinh kế của người dân.

- Việc tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự khu vực Dự án.

- Việc Dự án tập trung đông dân cư có khả năng mất an ninh, trật tự tại địa phương.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn: Tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ; dọn đất, cát, rác thải sinh hoạt,... rơi vãi sau mỗi ngày làm việc để tránh nước mưa chảy xuống các rãnh thoát nước.

- Nước thải xây dựng: Được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng cặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống thu gom và thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom và thoát nước thải sinh hoạt. Dọc theo các đường nội bộ quy hoạch tuyến cống tròn để thu gom nước mưa chia làm 03 lưu vực thoát nước chính:

+ Thoát nước các tuyến đường N1, D1 và D3 được thu gom vào hệ thống cống BTLT D600, D800, thoát ra biển theo hệ thống cống BTLT D1000.

+ Nước mưa lưu vực các tuyến từ phía Nam đường N2 đến phía Bắc đường N5 được thu gom vào hệ thống cống BTLT từ D600, D800, D1200, D1500, dẫn về phía Nam và đầu nối vào hệ thống cống BTLT 2D1500 và thoát ra biển.

+ Nước mưa lưu vực các tuyến từ phía Nam đường N6 đến phía Bắc đường N10 được thu gom vào hệ thống cống BTLT từ D600 - D1500, thoát ra biển theo hệ thống cống BTLT 2D1500.

- Thoát nước bên ngoài dự án: Nước mưa được thu gom và thoát theo hệ thống cống BTLT D600 - 1500 và dẫn ra biển theo 2 tuyến cống BTLT D1000 và 2D1500.

- Nước thải sinh hoạt:

+ Giai đoạn đầu: Đầu tư hệ thống xử lý nước thải với công suất 200 m³/ngày.đêm (trước mắt đảm bảo xử lý cho các hộ được tái định cư) tại khu đất quy hoạch trạm xử lý nước thải phía Bắc Dự án có diện tích 300 m².

+ Giai đoạn sau: Khi lượng nước thải sinh hoạt phát sinh đạt khoảng 80% công suất của giai đoạn đầu (khoảng 160 m³/ngày.đêm), Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh chủ trì, phối hợp UBND xã Phù Mỹ Đông thực hiện đầu tư nâng cấp hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu vực để đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt tiêu chuẩn theo quy định, trước khi thoát ra môi trường.

Công nghệ xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt (từ các hộ dân) → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Bể đối chứng. Nước thải sau xử lý đảm bảo theo cột B với K = 1,0 của QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung. Sau đó, nước thải được dẫn bằng đường ống HDPE D1000 ống dài 380m xả ra biển ở phía Đông Bắc dự án. Chủ đầu tư có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan và địa phương bổ sung quy hoạch tuyến ống xả nước thải và vị trí xả thải theo quy định.

+ Về lâu dài: Khi hạ tầng khung về thu gom và xử lý nước thải tại khu vực được xây dựng đồng bộ, thì hệ thống xử lý nước thải sẽ được chuyển đổi công năng thành trạm bơm để bơm nước thải về hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu vực.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ra vào công trường phải có bạt che phủ trong quá trình vận chuyển để giảm thiểu rơi vãi vật liệu trên đường; xe chở đúng tải trọng quy định.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2m.

- Bố trí công nhân vệ sinh đất, cát rơi vãi trên đường hiện hữu ra vào khu vực thi công.

- Phun nước tưới đường thường xuyên khu vực ra vào công trường xây dựng, đặc biệt vào mùa khô, những ngày nắng nóng có thể tiến hành phun nước với tần suất 2 giờ/lần.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh các tuyến đường nội bộ.
- Lắp đặt biển báo hướng dẫn giao thông, quy định tốc độ xe tham gia giao thông tương ứng với cấp đường thiết kế.
- Trồng cây xanh đảm bảo theo quy hoạch, nhất là cây xanh cách ly xung quanh hệ thống xử lý nước thải.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại khu vực lán trại. Định kỳ hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải rắn xây dựng:

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng và hoạt động thi công các hạng mục công trình được thu gom, xử lý theo đúng quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

+ Khối lượng cát thừa từ quá trình san nền dự án được vận chuyển phục vụ san lấp mặt bằng cho dự án Khu tái định cư phục vụ dự án Khu công nghiệp Phú Mỹ và các dự án lân cận (Điểm tái định cư Mỹ Thọ) (đã được UBND tỉnh thống nhất tại Văn bản số 4485/UBND-NNMT ngày 05/10/2025; Chủ dự án phải phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện đảm bảo các thủ tục pháp lý theo quy định của Luật Địa chất và Khoáng sản trước khi triển khai). Đồng thời thực hiện đồng bộ các công trình, giải pháp giảm thiểu tác động trong quá trình khai thác, vận chuyển cát thừa.

b) Giai đoạn hoạt động

Người dân tự thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao cho đơn vị chức năng để vận chuyển đi xử lý theo quy định và có trách nhiệm chi trả chi phí thu gom chất thải rắn cho đơn vị thu gom.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại và chất thải phải kiểm soát

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận

chuyên, xử lý theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân thu gom, phân loại chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát.

- Phối hợp cơ quan quản lý môi trường của tỉnh thực hiện các chương trình thu gom chất thải nguy hại, chất thải phải kiểm soát và hợp đồng, chuyển giao cho đơn vị chức năng xử lý theo quy định.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ TN&MT.

4.3. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Không sử dụng cùng một thời điểm nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Sử dụng các thiết bị thi công được đăng kiểm, bảo dưỡng định kỳ.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ; không vận hành các thiết bị phát sinh độ ồn cao trong khoảng thời gian từ 11h30 đến 13h30 và từ 18h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

b) Giai đoạn hoạt động

- Đơn vị quản lý bảo dưỡng thường xuyên chất lượng mặt đường, tăng cường trồng các dải cây xanh; bảo trì thiết bị, vận hành thường xuyên hệ thống xử lý nước thải.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông

trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát (02 điểm):

- + Khu vực tiếp giáp với khu dân cư phía Nam dự án (KK1).

Tọa độ: X = 1.579.577; Y = 599.458, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°.

- + Khu vực tiếp giáp với nhà máy điện mặt trời Phù Mỹ (KK2).

Tọa độ: X = 1.580.350; Y = 599.249, hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°.

- Các chỉ tiêu giám sát: Bụi, tiếng ồn.

- Tần suất quan trắc: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

5.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại phát sinh.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị

định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

6. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Thiết lập hệ thống biển báo, cấm mốc giới khu vực thi công và bảng thông tin công trình để người biết và theo dõi.

- Chủ dự án có trách nhiệm bàn giao đầy đủ hồ sơ giấy tờ; thông tin liên quan; quy trình vận hành; kế hoạch ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải; giấy phép môi trường của Dự án cho chính quyền địa phương để quản lý, vận hành theo quy định.

- Bố trí thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với lượng, loại chất thải phát sinh từ các hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 57 Luật Bảo vệ môi trường.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh bởi Dự án, đảm bảo môi trường xung quanh khu vực Dự án trong các giai đoạn của Dự án luôn đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2023/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường./.